

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày 14-01-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Lý.

Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2021/TLST-DS ngày 12/4/2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Q, sinh năm 1946 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 111, ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Khánh A, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số 111, ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư bà Huỳnh Thị Diệu O, văn phòng luật sư Hoàng O (có mặt).

Địa chỉ: Số 339 Trần Hưng Đ, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: 1/ Ông Lâm Phi N, sinh năm 1962 (vắng mặt).

2/ Bà Hồ Thị Mỹ L, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 1, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2021, ông Trương Q trình bày: Giữa ông và vợ chồng ông N, bà L có quen biết do cư trú cùng địa phương nên nhiều lần bán nợ phân

bón, thuốc bảo vệ thực vật cho ông N, bà L và cho vay thêm tiền. Năm 2018, ông đã cho ông N và bà L vay một số tiền để trả cho Quỹ tín dụng H. Đến ngày 18/3/2018, hai bên tiến hành đối chiếu nợ còn lại là 190.000.000 đồng và tiến hành lập biên nhận, ông N và bà L ký tên hẹn đến bán lúa xong sẽ thanh toán nên không có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên đến nay đã qua nhiều vụ lúa, ông N và bà L vẫn không trả nợ. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Phi N và bà Hồ Thị Mỹ L trả số tiền 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng), đồng thời yêu cầu ông N, bà L trả lãi chậm trả đối với số nợ này từ khi khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm bằng lãi suất 1%. Tại phiên tòa, ông Trương Khánh A là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ông Q giữ nguyên yêu cầu buộc ông Lâm Phi N và bà Hồ Thị Mỹ L trả số tiền 190.000.000 đồng, lãi chậm trả yêu cầu tính từ ngày Tòa án thụ lý là 12/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 14.297.000 đồng.

- Các bị đơn ông Lâm Phi N, bà Hồ Thị Mỹ L vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Kết luận giám định; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà nhận thấy câu hỏi khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, thể hiện tại “Biên nhận ngày 18/3/2018” và kết luận giám định số 287/PC09-GĐ ngày 12/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận về đối tượng giám định là chữ ký, chữ viết của ông Lâm Phi N trên biên nhận ngày 18/3/2018. Khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, bà L là vợ ông N nên phải chịu trách nhiệm liên đới theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Các bên không thỏa thuận trả lãi nhưng theo quy định của Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự thì việc yêu cầu các bị đơn trả lãi chậm trả là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông N và bà L trả nguyên đơn tổng số tiền 204.297.000 đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của ông Q là tranh chấp dân sự về vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; các bị đơn ông N, bà L cư trú ấp 1, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, bị đơn ông N và bà L vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn.

[2] Ông Q khởi kiện yêu cầu ông Lâm Phi N, bà Hồ Thị Mỹ L trả số tiền vay 190.000.000 đồng và cung cấp cho Tòa án “Biên nhận ngày 18/3/2018”, đồng thời yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của ông N trên biên nhận này. Tòa án thực hiện trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông Lâm Phi N trên “Biên nhận ngày 18/3/2018”, tại bản kết luận giám định số 287/PC09-GĐ ngày 12/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận về đối tượng giám định: “*Chữ ký cần giám định mực màu xanh đen mang tên Lâm Phi N dưới mục “Bên nhận” trong Biên nhận ngày 18/3/2018 (Ký hiệu A) so với các chữ ký mẫu so sánh của Lâm Phi N trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, số chứng thực 167, 168 ngày 24/3/2018; Hợp đồng tín dụng số 0132/2017 HĐTD ngày 07/3/2017, dưới mục “Người vay vốn” trong Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay ngày 13/3/2017 và dưới mục “Người khai ký tên” trong Tờ khai chứng minh nhân dân số 365088192, ngày 21/7/2012 (ký hiệu M1 đến M5) do cùng một người ký ra. Chữ viết cần giám định mực màu xanh đen mang tên Lâm Phi N dưới mục “Bên nhận” trong Biên nhận ngày 18/3/2018 (Ký hiệu A) so với chữ viết mẫu so sánh của Lâm Phi N dưới mục “Bên A” trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, số chứng thực 167, 168 ngày 24/3/2018 (ký hiệu M1, M2) do cùng một người viết ra*”. Như vậy, có căn cứ xác định ông N đã vay của ông Q, số tiền 190.000.000 đồng. Các bị đơn không cung cấp chứng cứ về việc đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay nên yêu cầu của ông Q buộc ông N trả tiền vay là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày Tòa án thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/tháng. Xét khi cho vay các bên không thỏa thuận việc trả lãi, theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất chậm trả bên vay phải chịu là 10%/năm nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất chậm trả tính từ ngày thụ lý 12/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (14/01/2022) là 14.297.000 đồng.

[4] Về trách nhiệm liên đới: Ông N và bà L là vợ chồng, việc vay tiền phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình và do vợ chồng cùng thực hiện. Vì vậy ông Q yêu cầu vợ, chồng ông N và bà L chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch vay tài sản trên là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[6] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông N, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí trưng cầu giám định theo quy định tại Điều 147, Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 469, Điều 375, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Q, buộc ông Lâm Phi N và bà Hồ Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trương Q số tiền 204.297.000 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng), trong đó: Số tiền vốn là 190.000.000 đồng, số tiền lãi là 14.297.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

2. Ông Lâm Phi N, bà Hồ Thị Mỹ L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền 10.214.850 đồng và chi phí giám định 4.492.000 đồng. Buộc ông Lâm Phi N và bà Hồ Thị Mỹ L phải liên đới hoàn trả cho ông Trương Q chi phí giám định là 4.492.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai